

Bản án số: 07/2024/HNGĐ-ST
Ngày 12-8-2024
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN CHÂU, TỈNH SƠN LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cẩm Thị Thanh Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vì Thị Vinh.

2. Ông Đỗ Tiến Hiệt.

- Thư ký phiên Tòa: Ông Quàng Lâm Tới - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Châu tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thanh Loan – Kiểm Sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 43/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 06 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2024 giữa:

1. Nguyên đơn: **Anh Tếnh Lao C1** - Sinh năm 1984.

Địa chỉ: **Bản C, xã C, huyện Y, tỉnh Sơn La**. Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: **Chị Phàng Thị C** - Sinh năm 1987.

Địa chỉ: **Bản C, xã C, huyện Y, tỉnh Sơn La**.

Hiện bị đơn đang chấp hành án phạt tù tại K3, **đội B, trại giam T1, xã M, huyện T, thành phố Hà Nội**, theo bản án số 07/2018/HSPT ngày 27/12/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La. Bị đơn vắng mặt có đơn xin giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo Đơn khởi kiện bổ sung ngày 07/06/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh **Tếnh Lao C1** trình bày:*

Anh **Tếnh Lao C1** và chị **Phàng Thị C** kết hôn trên tinh thần tự nguyện tìm hiểu, không bị ép buộc, có tổ chức cưới xin theo phong tục tập quán và có ĐKKH ngày 23/8/2011 tại **UBND xã C, huyện Y, tỉnh Sơn La**. Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại bản Co Lắc, **xã C, huyện Y, tỉnh Sơn La**, cuộc sống hạnh phúc đến ngày 25/4/2018 chị **Phàng Thị C** bị **Công an huyện M** bắt về tội Vận chuyển trái phép chất ma túy và bị Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử, xử phạt án chung thân. Đến nay chị **C** đã chấp hành án được 06 năm tù. Xét thấy tình cảm không còn, anh **T** Lao Chanh xin được ly hôn với chị **Phàng Thị C**.

- Về con chung: Anh chị có 02 con chung, cháu đầu tên **Tếnh Thị L** sinh năm 2007 đang học tại trường THPT Nội trú **huyện Y**, cháu thứ hai tên **Tếnh Thị L1** sinh năm 2009, hiện đang học THCS Nội trú **huyện Y**. Sau ly hôn anh **Tếnh Lao C1** xin nhận trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai cháu, không yêu cầu chị **C** cấp dưỡng nuôi con cùng.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

*Tại biên bản ghi lời khai ngày 17/07/2024 bị đơn chị **Phàng Thị C** trình bày:*

Chị thống nhất với lời trình bày của anh **C1** về thời điểm kết hôn, quá trình chung sống và con chung.

Sau khi làm đám cưới theo phong tục tập quán, chị và anh **C1** chung sống hạnh phúc tại bản Co Lắc, **xã C, huyện Y, tỉnh Sơn La**. Đến năm 2018 thì chị bị bắt và xét xử về tội Vận chuyển trái phép chất ma túy và bị TAND tỉnh Sơn La tuyên án chung thân. Hiện chị đang chấp hành án phạt tù tại K3, **đội B, trại giam T1, xã M, huyện T, thành phố Hà Nội**. Nay chồng chị anh **Tếnh Lao C1** xin ly hôn chị đồng ý.

Về con chung: Đối với yêu cầu được nuôi 02 con chung là cháu **Tếnh Thị L** sinh năm 2007 và cháu **Tếnh Thị L1** sinh năm 2009 của anh **C1** không yêu cầu chị cấp dưỡng nuôi con, chị đồng ý.

Về tài sản chung: Anh **C1** không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, chị không có ý kiến gì, nguyện vọng của chị sau khi chấp hành án về thì vẫn được sinh sống tại ngôi nhà chung hiện nay.

Về nợ chung: Không có.

Chị đề nghị TAND huyện Yên Châu giải quyết vụ án vắng mặt chị do chị đang chấp hành án.

Quá trình giải quyết vụ án do bị đơn đang chấp hành án Tòa án không tiến hành mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, mà giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Chị **Phàng Thị C** có đơn xin xét xử vắng mặt đồng thời đồng ý ly hôn với anh **Tếnh Lao C1**, đồng ý với ý kiến của anh **T** Lao Chanh về con chung, tài sản chung và nợ chung, ngoài ra không có ý kiến gì khác.

Tại các biên bản ghi ý kiến ngày 24/06/2024 của các cháu **Tếnh Thị L**, **Tếnh Thị L1**, các cháu cho biết nếu bố mẹ ly hôn cả hai cháu đều có nguyện vọng ở với bố.

Tại phiên tòa nguyên đơn có có mặt, đồng thời giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn do đang chấp hành án phạt tù nên có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân thủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm; các đương sự đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung vụ án:

Do anh **Tếnh Lao C1** và chị **Phàng Thị C** lấy nhau có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Trong quá trình chung sống xét thấy tình cảm giữa hai vợ chồng đã không còn, chị **Phàng Thị C** hiện đang chấp hành án phạt tù tại K3, **đội B**, **trại giam T1**, xã M, huyện T, thành phố Hà Nội, theo bản án số 07/2018/HSPT ngày 27/12/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La. Anh **Tếnh Lao C1** có đơn đề nghị yêu cầu ly hôn, chị **C** đồng ý. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh **Tếnh Lao C1**, cho anh **T** Lao Chanh được ly hôn chị **Phàng Thị C**.

Về con chung: Đề nghị giao 02 con chung là cháu **Tếnh Thị L** sinh năm 2007 đang học tại trường THPT Nội trú **huyện Y**, cháu thứ hai tên **Tếnh Thị L1** sinh năm 2009, hiện đang học THCS Nội trú **huyện Y** cho anh **T** Lao Chanh trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai cháu cho đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành 18 tuổi có khả năng lao động, chị **Phàng Thị C** không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với nợ chung: Không có, do đó đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Do nguyên đơn là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và đã có đơn xin miễn án phí nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét miễn án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về pháp luật tố tụng:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Anh **Tếnh Lao C1** khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con chung đối với chị **Phàng Thị C**, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung”.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn **Phàng Thị C** có nơi cư trú cuối cùng trước khi chấp hành án là bản Co Lắc, **xã C, huyện Y, tỉnh Sơn La**. Tòa án nhân dân huyện Yên Châu thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

[3] Bị đơn chị **Phàng Thị C** vắng mặt tại phiên tòa do đang chấp hành án tại **trại giam T1, xã M, huyện T, thành phố Hà Nội**, nhưng đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và biên bản ghi lời khai ngày 17/7/2024. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Về nội dung vụ án:

[4] Về quan hệ hôn nhân: Theo nguyên đơn và bị đơn trình bày, Anh **C1** và chị **C** kết hôn trên tinh thần tự nguyện tìm hiểu, không bị ép buộc, có tổ chức cưới xin theo phong tục tập quán và có ĐKKH ngày 23/8/2011 tại **UBND xã C, huyện Y, tỉnh Sơn La**. Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại bản Co Lắc, **xã C, huyện Y, tỉnh Sơn La**, cuộc sống hạnh phúc đến ngày 25/4/2018 chị **Phàng Thị C** bị **Công an huyện M** bắt về tội Vận chuyển trái phép chất ma túy và bị Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử, xử phạt án chung thân. Đến nay chị **C** đã chấp hành án được 06 năm tù. Xét thấy tình cảm không còn, anh **T Lao Chanh** xin được ly hôn với chị **Phàng Thị C**. Việc anh chị có đăng ký kết hôn làm phát sinh quyền lợi, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Tuy nhiên trong quá trình chung sống hai bên đã phát sinh mâu thuẫn, không còn tình cảm, chị **C** đang chấp hành án phạt tù, hai anh chị không có ý định tái hợp. Mâu thuẫn giữa anh chị đã thực sự trầm trọng. Nay anh **C1** có đề nghị được ly hôn, chị **C** đồng ý, xét thấy đã đủ căn cứ để cho hai bên được ly hôn khi hai bên mâu thuẫn đã trầm trọng, không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, Căn cứ điều 56 Luật Hôn nhân gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh **Tếnh Lao C1**, cho anh **T Lao Chanh** được ly hôn chị **Phàng Thị C**.

[5] Về con chung:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, anh **T Lao Chanh** có ý kiến xin được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc 02 con chung là cháu **Tếnh Thị L** sinh

năm 2007 đang học tại trường THPT Nội trú huyện Y, và cháu Ténh Thị L1 sinh năm 2009, hiện đang học THCS Nội trú huyện Y, không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con cùng. Tại biên bản ghi lời khai, chị Phàng Thị C có ý kiến: Đối với đề nghị được chăm sóc nuôi dưỡng tất cả các con chung của anh T Lao Chanh và không yêu cầu chị cấp dưỡng chị đồng ý.

Hội đồng xét xử xét thấy, do chị Phàng Thị C đang chấp hành án tại trại giam T1, xã M, huyện T, thành phố Hà Nội với mức án chung thân, chị C không thể đảm bảo việc nuôi dưỡng và chăm sóc con chung. Mặt khác các cháu Ténh Thị L, Ténh Thị L1 đều có nguyện vọng được chung sống với bố. Việc anh C1 yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cả 02 cháu là hợp lý.

Do đó căn cứ vào Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh C1, giao 02 con chung là cháu Ténh Thị L sinh năm 2007 và Ténh Thị L1 sinh năm 2009 cho bố là anh T Lao Chanh trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành 18 tuổi, có khả năng lao động.

Chị Phàng Thị C có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục cháu mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, có quyền yêu cầu về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con khi có căn cứ.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do anh C1 không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi các con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung: Anh C1 và chị C tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với nguyện vọng sau khi chấp hành án xong vẫn được tiếp tục chung sống tại ngôi nhà chung của chị C do hai anh chị tự thỏa thuận. Nếu không thỏa thuận được anh chị có quyền khởi kiện lại vụ án chia tài sản chung sau ly hôn.

[7] Về khoản nợ chung: Không có, nên không xem xét giải quyết.

[8] Về án phí: Nguyên đơn là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và đã có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Xét thấy quan điểm của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Yên Châu là phù hợp nên HĐXX chấp nhận toàn bộ ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: - Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điều 24, Điểm a khoản 5 Điều 27, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án năm 2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh **Tếnh Lao C1**.
2. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh **Tếnh Lao C1** được ly hôn chị **Phàng Thị C**.
3. Về con chung: Giao các con chung là cháu **Tếnh Thị L** sinh năm 2007 và cháu **Tếnh Thị L1** sinh năm 2009 cho bố là anh **T** Lao Chanh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, có khả năng lao động. Chị **Phàng Thị C** không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị **Phàng Thị C** có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục các con chung mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, có quyền yêu cầu về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con khi có căn cứ.

4. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.
5. Nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.
6. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho anh **Tếnh Lao C1**.
7. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Yên Châu;
- Chi cục THA Dân sự huyện Yên Châu;
- UBND xã Chiềng Tương, huyện Yên Châu;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cầm Thị Thanh Huyền

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cầm Thị Thanh Huyền

